

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐXXST-DS ngày 16/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày:

Nguyên vào ngày 10-8-2020 (âm lịch), ông Nguyễn Thành Đ có kêu ông D và ông L cùng hùn chơi 01 chung hụi với giá 2.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khai một lần, bắt đầu khai từ 10-8-2020 âm lịch đến ngày 10-3-2023 âm lịch, gồm 43 phần hụi, ông D và ông L mỗi người đã đóng được 31 lần hụi sống với số tiền là 62.000.000 đồng. Đến ngày 10-4-2023 âm lịch khi ông D và ông L bỏ thăm khai hụi thì ông Đ không cho khai hụi với lý do đã đình lại và hoàn vốn không có lãi cho ông L và ông D, phương thức trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng ông L và ông D không đồng ý.

Nay ông L và ông D yêu cầu giải quyết buộc ông Đ trả lại số tiền hụi cho ông L và ông D mỗi người là 61.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ông Đ thông nhất và thừa nhận có tổ chức khai dây hụi cũng như hụi viên, cách thức chơi hụi như lời trình bày của ông D và ông L. Hiện nay, ông Đ còn nợ ông L và ông D số tiền góp hụi mỗi người là 61.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả hàng tháng mỗi người là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ có nơi cư trú tại ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Đ 26; điểm a Khoản 1 Đ 35; điểm a Khoản 1 Đ 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thừa nhận vào ngày 10-8-2020 (âm lịch), ông Nguyễn Thành Đ có tổ chức dây hụi tháng 2.000.000 đồng do ông Đ làm đầu thảo, mỗi tháng khai hụi 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, cách thức hốt hụi thì ai bỏ thăm cao nhất được hốt, còn tiền đầu thảo do ông Đ và các hụi viên tự thỏa thuận ai lĩnh hụi thì đóng tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 43 phần hụi, khi tổ

chức khai hội thì ông Đ có làm “Tờ lập hội” ngày 10-8-2020 âm lịch là do ông Đ viết giao cho các hội viên, phía dưới có chữ ký và chữ viết của ông Đ. Đây hội nêu trên, có ông D với ông L tham gia chơi mỗi người 01 phần hội, ông Đ thừa nhận ông D và ông L mỗi người đã đóng được 31 lần (tính đến 10-3-2023 âm lịch) hội là 62.000.000 đồng, đến ngày 10-4-2023 âm lịch thì ông Đ đình hội nên còn nợ ông D và ông L mỗi người là 62.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và ông L thì ông Đ thống nhất còn nợ tiền hội là 62.000.000 đồng và sau khi trừ tiền đầu thảo mỗi người là 1.000.000 đồng thì ông Đ đồng ý thanh toán tiền nợ hội cho ông D là 61.000.000 đồng và ông L là 61.000.000 đồng.

Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Đ 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định giữa ông D và ông L với ông Đ có phát sinh giao dịch dân sự về tài sản theo tập quán là tham gia chơi hội vào ngày 10-8-2020 (âm lịch) giống nội dung thỏa thuận nêu trên.

[3]. Xét việc sự thỏa thuận góp hội giữa ông Đ với ông D và ông L vào ngày 10-8-2020 (âm lịch) được giao kết trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm giao kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm Đ cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, cũng như hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Đ 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Đ 5, Đ 6, Đ 7, Đ 8 và Đ 13 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Do đó, hợp đồng góp hội nêu trên là hợp pháp, các bên khi tham gia giao kết hợp đồng đều có quyền, nghĩa vụ như nhau khi giao kết hợp đồng nên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận.

Do ông Đ tự ý đình hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với các hội viên nên yêu cầu của ông L và ông D là có căn cứ theo quy định tại Đ 15; Đ 18 và Đ 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Riêng việc bị đơn xin trả nợ mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là không thả thi, các nguyên đơn cũng không đồng ý, hơn nữa các đương sự có thể tự thỏa thuận về phương thức thanh toán trong giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án Dân sự nên ý kiến này của bị đơn, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Đ 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 15; Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L về hợp đồng góp hụi với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Buộc ông Nguyễn Thành Đ thanh toán tiền nợ hụi cho ông Nguyễn Văn D là 61.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông Nguyễn Thành Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Buộc ông Nguyễn Thành Đ thanh toán tiền nợ hụi cho ông Nguyễn Văn L là 61.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông Nguyễn Thành Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí là 6.100.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.525.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010168 ngày 21-9-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.525.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010169 ngày 21-9-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

